

VAI TRÒ CỦA NHO GIÁO VÀ PHẬT GIÁO DƯỚI TRIỀU NGUYỄN QUA HỆ THỐNG VĂN BIA HOÀNG TỘC THỪA THIÊN HUẾ

Đoàn Trung Hữu

Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Email: haitue@gmail.com

TÓM TẮT

Văn bia hoàng tộc triều Nguyễn hiện còn được lưu giữ trong các lăng tẩm, đền đài, cung điện ở Thừa Thiên Huế là nguồn tư liệu Hán Nôm vô cùng quý giá để nghiên cứu lịch sử dân tộc. Những quan điểm phức hợp về rất nhiều lĩnh vực như chính trị, văn hóa, xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng đã được thể hiện một cách phong phú ở đây, trong đó đặc biệt có đề cập đến nhân quan và sách lược của nhà Nguyễn về các tôn giáo thịnh hành trong triều đại này. Trong khi văn bia lăng tẩm cho thấy triều đình đã sử dụng Nho giáo như là hệ chuẩn tư tưởng để giải quyết, đánh giá, nhìn nhận các vấn đề chính sự, thì đạo Phật lại được xiển dương như một sách lược để thu phục nhân tâm.

Từ khóa: *Hán Nôm, Nho giáo, Phật giáo, Văn bia.*

1. MỞ ĐẦU

Trong lộ trình nghiên cứu các vấn đề văn hóa, xã hội của dân tộc qua các triều đại khác nhau, khuynh hướng nghiên cứu căn cứ vào văn bia Hán Nôm - nơi bảo lưu một cách chân xác các vấn đề liên quan đến văn hoá, xã hội, chính trị, kinh tế và tín ngưỡng tôn giáo- là một khuynh hướng nghiên cứu mang lại giá trị thực tiễn và góp phần làm sáng rõ nhiều vấn đề còn vướng mắc trong nhìn nhận và đánh giá lịch sử Việt Nam... Ở Thừa Thiên Huế hiện nay, vẫn còn lưu giữ lại một hệ thống lớn các văn bia hoàng tộc triều Nguyễn nằm trong hệ thống các di tích văn hóa như cung điện, lăng tẩm, đền đài. Với nhiều hệ vấn đề phức tạp còn được bảo lưu, nhóm văn bia này được xem là nguồn tư liệu vô giá để tìm hiểu quá khứ dân tộc. Trong bài viết này, chúng tôi giới hạn tập trung khảo sát, thống kê và luận giải vai trò của Nho giáo và Phật giáo trong nhân quan và sách lược của triều Nguyễn qua hệ thống văn bia hoàng tộc.

2. NỘI DUNG

2.1. Đặc điểm của văn bia hoàng tộc ở Thừa Thiên Huế

Văn bia Thừa Thiên Huế có một thể loại đặc biệt là văn bia hoàng tộc. Khai thác giá trị nội dung của văn bia này có ý nghĩa rất lớn trong việc nghiên cứu nhiều lĩnh vực của xã hội, từ quan sát quan niệm của nhà cầm quyền, nhất là khi Cố đô Huế là kinh đô cuối cùng của chế độ

phong kiến nhà Nguyễn – một triều đại mà vai trò lịch sử của nó vẫn còn gây nhiều tranh cãi từ góc độ khoa học lịch sử.

Văn bia hoàng tộc có 2 thành phần tác giả là văn bia ngự chế và văn bia không phải ngự chế nhưng do hoàng tộc soạn, có thể tạm phân thành các nhóm:

+ *Bia lăng tẩm hoàng tộc*: gồm các tấm bia khắc các bài ký do vị vua kế vị viết đề cao công đức, sự nghiệp của vị vua tiền nhiệm, bia tẩm mộ một số thành viên trong hoàng tộc

+ *Đề vịnh cảnh và các loại khác*: Loại văn bia này chủ yếu là thơ phú của các vua đề vịnh những cảnh đẹp của Huế

Về chữ viết, tất cả các bài văn bia đều được viết bằng chữ Hán lối chữ chân, rõ đẹp. Chính vì tầm quan trọng của các văn bia nên việc khắc chữ được thực hiện rất tỉ mỉ và nghiêm cẩn. Đây là những mẫu mực về chữ viết được khắc trên đá của thời đại trước.

Về ngôn ngữ, các tấm bia được khắc vào những thế kỉ XIX -XX nên ngôn ngữ ở đây rất gần với ngôn ngữ hiện đại. Dù vậy, các điển tích, điển cố được sử dụng dày đặc, nhuần nhuyễn, đa dạng và sinh động. Ngôn từ, câu kéo được lựa chọn kĩ càng và trau chuốt.

Về trang trí, nằm ở vùng đất kinh đô, hơn nữa đây còn là thể loại bia hoàng tộc nên yêu cầu về trình độ trang trí phải cao hơn, tinh tế hơn hẳn các thể loại khác và ở các vùng địa phương khác. Trước hết, bi đình (nhà bia) là một nét độc đáo trong nghệ thuật dựng và trang trí bia ở Thừa Thiên Huế. Nếu là bia lăng tẩm thì tất cả các bia ở lăng vua đều được dựng trong nhà bia trang nhã, lát gạch hoa, lợp ngói hoàng lưu ly. Bi đình được đặt gần sân chầu. Nếu đi từ cổng lăng vào thì đầu tiên là sân chầu, rồi đến bi đình và sau đó là các công trình kiến trúc khác. Các bi đình đều được xây dựng theo kiểu hai tầng với những nét độc đáo riêng.

Nghệ thuật chạm trổ trang trí ở bia hoàng tộc nói riêng và bia khắc Thừa Thiên Huế nói chung đạt đến trình độ cao; so với văn bia nhiều địa phương khác thì vượt hẳn về độ sắc nét, tinh tế.

Về mặt chất liệu các bia đá cung đình Nguyễn hầu hết được chế tác từ đá thanh, hình thức nói chung là đồng nhất và khác hẳn bia thời Hậu Lê ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ. Các bia Nguyễn có kích thước vừa phải, nhưng các bia Thánh Đức Thần Công lại là ngoại lệ, hầu hết chúng đều rất lớn, đặc biệt là bia lăng Tự Đức được xem là lớn nhất Việt Nam. Về hình dáng, bia thường là một tấm đá hình chữ nhật lớn, mỗi một tấm bia đều có các phần như trán bia, thân bia, chân bia, tai bia, nách bia. Đặc điểm này phổ biến nhất ở bia các lăng tẩm, có lẽ do tính chất trang trọng của một tấm bia dựng nơi an nghỉ của một vị vua.

Trong thực tế chỉ còn một số ít còn đọc tốt, còn lại các chữ đều bị mòn ít nhiều, rất cần công tác phục chế, bảo tồn.

2.2. Vị trí của Nho giáo trong hệ thống chính trị, văn hóa - xã hội thời nhà Nguyễn qua văn bia hoàng tộc

Văn bia lăng tẩm cho thấy Nho giáo chính là hệ chuẩn tư tưởng để giải quyết, đánh giá, nhìn nhận các vấn đề chính sự, và thông qua các vấn đề triều chính, nhà cầm quyền cũng bộc lộ những quan niệm, tư tưởng Nho gia. Đây là đặc điểm làm nổi bật văn hóa chính trị triều Nguyễn. Văn bia lăng tẩm là do các vị vua đời sau viết để ca ngợi, tán thán vị vua đời trước, không tránh khỏi tính cường điệu thái quá cũng như thiếu khách quan trong nhận xét về sự nghiệp vị vua được dựng bia. Nhưng bên cạnh yếu tố đó, mảng tư liệu văn bia này vẫn cung cấp cho chúng ta một cách khá chân thực về lý tưởng trị nước của vị vua đó, nhất là đối với nhà Nguyễn thì đường lối chính trị thực tế thường thống nhất với tư tưởng của vua đương vị.

Văn bia lăng tẩm cho phép chúng ta xác định: sự nghiệp chính trị triều Nguyễn, qua nhiều đời vua tiếp nối, trị nước bằng văn trị vẫn là đường lối chính yếu. Lịch sử các nhà nước phong kiến có chịu ảnh hưởng của Nho giáo thường xảy ra tranh cãi giữa hai đường lối văn trị và pháp trị. Qua đó, đường lối kết hợp giữa đức trị và pháp trị tỏ ra phổ biến. Đối với nhà Nguyễn, việc trị nước phải có luật pháp, nhưng cả luật pháp và những phương tiện cai trị khác căn bản đều phải dựa trên nền văn trị, hướng đến một xã hội lấy lấy chí Thiện làm cốt yếu.

Đường lối quản lý đất nước, củng cố quyền lực của nhà Nguyễn dựa trên lễ nhạc Nho gia. Bài văn bia viết trên lăng tẩm thường sử dụng nhiều điển tích, điển cố mà hệ quy chiếu của nó là chuẩn mực Nho giáo. Riêng điều này cũng cho thấy tinh thần của Nho gia là rất đậm nét trong tư duy của nhà cầm quyền. Các văn bia lăng tẩm đều ca ngợi công đức, sự nghiệp của các vua, đặc biệt chú trọng vào những hoạt động quản lý đất nước, phát triển đất nước. Qua đó, chúng ta thấy rằng nền tảng tư tưởng cho những hoạt động này là Nho giáo.

Trước hết, các văn bia hoàng tộc cho thấy, các vị vua đều có tư tưởng dựng xây sự nghiệp vương triều phù hợp với “Mệnh trời”. Tư tưởng Thiên mệnh là điều được nhấn mạnh trong học thuyết chính trị xã hội của Khổng Tử. Yếu tố “úy thiên”, “thuận thiên”, “phụng thiên” luôn được coi như nguyên tắc mọi đối tượng, mọi hoạt động của xã hội. Văn bia *Ngự chế thánh đức thần công bi* [6]

/御製聖德神功碑記 ở lăng Minh Mạng viết: “若其制治保邦立經陳紀規模廣大品節周詳事事皆有成法祀天地于南郊而昭事之禮明奉二祖以配天而美報之義/Về việc cai trị giữ gìn đất nước thì thiết đặt kỷ cương có quy mô rộng lớn. Phẩm tiết rõ khắp, mọi việc đều thành phép tắc Trời Đất ở Nam Giao để sáng tỏ lễ nghi, kính thờ hai Tổ cùng với Trời để đẹp nghĩa báo đáp”, “基命宥密蓋如此在御二十一年之間敬天法祖勤政愛民常如一日/Sứ mệnh (của Ngài) có nền tảng điều hành vốn bao trùm rộng lớn và xa đến như thế. Trong hai mươi một năm tại vị, ngày ngày kính Trời, noi phép tổ, chăm lo chính sự, yêu thương dân chúng”. Văn bia *Xương Lăng thánh đức thần công bi* [7] /昌陵聖德神功碑 ở lăng vua Thiệu Trị ghi: “我大南受天眷席蘿圖宇宙廣陳黎/Nước đại Nam ta, nhờ vào mệnh trời thương, núi sông bờ cõi rộng lớn hơn nhà Trần nhà Lê”.

Vua Tự Đức trong lúc vận nước nguy nan cũng chỉ biết tin vào mệnh trời: “所恃者幾何其亦自信夫有天而已而予所信者非敢盡信夫運數之天而特信夫道理之天/Thế thì ta trông cậy vào cái gì? Đó là sự tự tin có trời mà thôi! Không phải ta dám tin ông trời có vận số mà chỉ riêng tin ông trời có đạo lý” (*Khiêm cung ký* [4]/謙宮記).

Bia lăng Đồng Khánh cũng ghi lại: “帝王握乾符闢坤珍有創業者有守成者有中興者巍巍焉/Bậc đế vương lấy sự linh thiêng của trời, mở mang đất quý chính là người làm nên nghiệp lớn, giữ được sự thành công là đưa đến sự hưng thịnh vời vọi vậy” (Tư Lăng thánh đức thần công bi/思陵聖德神功碑).

Theo tư tưởng Nho giáo, đường lối văn trị đòi hỏi phải lấy chữ Thiện làm đầu, như sách *Đại học* ghi: “chỉ ư chí thiện”. Văn bia hoàng tộc cho thấy các vị vua triều Nguyễn khi xác định Nho giáo làm nền tảng và văn trị là đường lối trị nước thì đều đề cao sự “toàn thiện”, lấy “chí thiện” làm chuẩn tắc cho hành vi cai trị. Vua Minh Mạng nhấn mạnh: “朕宵衣旰食廩求上理若使百執盡皆賢良人民咸樂案堵河流順軌年穀屢豐則何瑞如之/Trẫm hôm sớm vất vả công việc, chỉ kính thuận đạo lý trời, nếu trăm quan đều là hiền lương, nhân dân đều an ổn vui vẻ, sông chảy thuận dòng, hàng năm được mùa thì có điềm lành nào bằng” (*Ngự chế thánh đức thần công bi ký* [6]/御製聖德神功碑記). Vua Thiệu Trị được ngợi ca: “我皇考以仁覆物/Hoàng khảo ta dùng điều nhân để che trùm mọi vật”, “蓋至善存諸聖學神化發於事功用見於經天緯地而體則立乎主敬道在於繼志述事而要則隨物取中明作有功惇大成裕/Lòng chí thiện gốc ở thánh học, thần thái phát ra việc làm, vẻ dụng công thì hiện ra dọc ngang trời đất, còn thể được lập nên là do lòng chủ tin cẩn; về đạo lý thì nối chí người trước theo việc xưa, mà cốt yếu thì tùy việc giữ ở mức trung dung, làm việc sáng tỏ để nên công, đôn đốc việc lớn để thành giàu rộng” (*Xương Lăng thánh đức thần công bi* [7]/昌陵聖德神功碑). Các hành vi thể hiện phương châm chí thiện của các vị vua như đối đãi với bề tôi bằng lễ, cai trị dân chúng bằng lòng khoan giảm thuế, ân xá tù nhân, đối xử với quan viên, với giặc giã...) đều được các vua đời sau ghi lại để ca ngợi như tấm gương về đức thiện. Đến vua Tự Đức, nhà vua còn đề ra cho mình đạo Khiêm như là chuẩn mực cao nhất cho bản thân mình: “...而吾何取於謙乎哉其謙之為謙果誠乎哉夫謙者驚也讓也有而不居屈己下物者也/...mà sao ta lại lấy chữ Khiêm làm tên? Khiêm ấy là quả của sự khiêm cung thành thực sao? Rằng khiêm là e sợ, là nhún nhường, có địa vị mà không ở, tự khuất mình dưới người” (*Khiêm cung ký*/謙宮記).

Qua văn bia hoàng tộc, có thể thấy rõ Nhà Nguyễn là triều đại trọng việc giáo hóa dân chúng. Nội dung này không đồng nhất với lĩnh vực khoa cử mà khoa cử chẳng qua là phương pháp để chọn người tài. Việc học hành còn được triển khai ở góc độ giáo hóa dân chúng, nâng cao dân trí, tạo lập nền tảng đạo đức xã hội. Đây vừa là cách thức quản trị xã hội (trên nền tảng Nho học), vừa là hành vi vun đắp văn hiến nước nhà. Văn bia *Ngự chế thánh đức thần công bi ký* [6]/御製聖德神功碑記 ở lăng Minh Mạng ghi: “其崇文也斧藻琢磨風會日振典藉欽定以明正學詩書頒布以惠士林府縣莫不有學鄉會間以歲貢正字畫而苟且之風變釐文式而固陋之習除文治昭回燦然奎壁/Về việc trọng văn, tạo trào lưu bình phẩm, nhuận sắc, khiến ngày càng tiến triển, khâm định thư tịch để sáng tỏ chính học,

ban bố Thi Thư để ra ân cho nhiều sĩ tử. Phủ huyện chẳng nơi nào là không có trường học, thi Hương, thi Hội để hàng năm chọn nhân tài; Định nét chữ mà đổi thói cầu thả, sửa thể thức văn mà trừ bỏ thói quen cố hữu. Ngoài ra, văn trị còn thu phục được nhân tài văn chương”; “文教大興士風否振天下學者知有圖藉典墳之富文章性命之淵皆自上以鼓舞作成之也/ Nền văn giáo khởi sắc, sĩ khí chấn hưng. Học giả trong thiên hạ biết được phong phú của thư tịch, sự uyên thâm của văn chương đều do Hoàng khảo cổ vũ và tác thành”.

Đáng chú ý, ngoài việc sử dụng kinh điển Nho học, các vị vua triều Nguyễn đã chuyên tâm viết ra những tập thi văn, những điều răn dạy con cháu, quan lại, chúng dân. Điều này cho thấy, đường lối văn trị của triều Nguyễn đã trở thành lý tưởng của các vị quân vương. Kinh điển Nho học chỉ là nền tảng, còn những nghi lễ, giá trị đạo đức, phong tục... đã được hướng đến việc xây dựng cho phù hợp với văn hóa nước Nam. Việc áp dụng Nho giáo trong tinh thần như vậy, phần nào, đã chứng tỏ tinh thần tự trị của nhà Nguyễn. Vua Minh Mạng: “又親製訓條頒行州里使之家傳而戶誦習熟禮義其有關於風俗教化夫豈小哉/Lại tự mình chế ra những điều dạy dỗ, ban hành khắp các làng mạc, để cho mọi nhà truyền tụng, tập quen lễ nghĩa; có liên quan đến việc giáo hóa phong tục há chẳng phải là nhỏ sao?” (*Ngự chế thánh đức thần công bi ký* [6]/ 御製聖德神功碑記), trong đó đáng chú ý có: “璧恭讀御製詩六集御製文二集鏗乎典謨訓誥之音煥乎雅頌治平之/6 tập Ngự chế thi và 2 tập ngự chế văn còn vang âm hơn cả Hiến, Mô, Huấn, Cáo, tỏ hơn dầu Trị Bình trong Nhã Tụng”, “億千萬世而下景仰剿平全集備述憂勤政要一書垂示典則足見功與天齊德與地並聖人盛德大業至矣美矣而其前代帝王尤不可及者大綱至正家法甚善宮侍九階肅如朝廷/Muôn ngàn đời sau được coi tới *Tiểu Bình* toàn tập chép đủ những nỗi ưu cần, sách *Chánh Yếu* chỉ bảo phép tắc đủ thấy Hoàng khảo công đức của ngài sánh với trời đất. Đức lớn nghiệp lớn, tốt cùng rực rỡ mà các đế vương đời trước chẳng sánh kịp. Cương cường thật vững, gia pháp thật hay, chín bậc cung giai nghiêm túc như chốn triều đình” (*Ngự chế thánh đức thần công bi ký* [6]/ 御製聖德神功碑記).

Vua Thiệu Trị thì cũng là người rất chú trọng xây dựng các chuẩn mực văn hóa đạo đức như là phương tiện cho một việc trị nước và giáo hóa dân chúng “修大南會典詳政體也輯紹治文規正字學也/Sửa bộ “Đại Nam hội điển” là làm cho chính thể rõ ràng, làm tập “Thiệu Trị văn quy” là dạy cho việc học chữ được đúng”; “聖製文二集詩四集有御題圖繪史論皇訓北巡武功古今體格裁成輔相歷代帝王(...)帝王傳授之原朝廷政治之迹寓於語言文字間乾苞坤符煥日星發六經之闡奧開百代之津梁鼓之舞之以盡神為治教休明之一天運會自丁李陳黎以前未之有也/Hai tập Thánh Chế, bốn tập thơ, còn có các tập Ngự Đề Đồ Hội, Sử Luận, Hoàng Huấn, Bắc Tuần, Võ Công, Cổ Kim Thể Cách, Tài Thành Phụ tướng, Lịch Đại Đế Vương...bước đầu truyền thụ tư tưởng của các Đế vương, dấu lưu chính trị trong triều đình đều chứa đựng trong lời văn, như Hà đồ Lạc thư chói sáng như nhật nguyệt, phát huy được áo diệu của lục kinh, mở lối cho trăm đời về sau. Cổ vũ một nền giáo trị hết sức thần kỳ, mở ra một vận hội sáng sủa mà từ các triều Đinh, Lê, Lý, Trần trước đây chưa từng có” (*Xương Lăng thánh đức thần công bi* [6]/ 昌陵聖德神功).

Trong việc giáo hóa dân chúng, đạo Hiếu – Đễ của Nho gia được coi là gốc rễ đưa đến trật tự xã hội. Là người định ra “khuôn vàng thước ngọc” cho xã hội, các bậc quân vương trước hết phải nêu gương sáng cho muôn dân và hậu thế. Bia trong lăng tẩm hoàng tộc thường là do các vị vua đương thời soạn dựng để thể hiện lòng hiếu thảo, vừa để tán thán công đức, kính trọng ngôi ca và đối với bậc tiên vương – mà trong đó, lòng hiếu thảo là một tiêu chí rất căn bản.

Văn bia ở lăng vua Gia Long được ghi lại như việc thể hiện lòng hiếu thảo của vua Minh Mạng đối với vua cha: “臣諒陰翼室躬執通喪襲之禮一遵治命/Thần cư tang ở dực thất, tự thân coi sóc tang phục khâm liêm, một lòng tuân theo mệnh lệnh trị quốc”, “惟有述前休鋪景鑠詔來世而垂無窮乎瀉罔極之悲伸不匱之孝/Chỉ có biết thuật lại những điều tốt lành đời trước mà phô bày sự to đẹp để truyền lại đời sau đến vô cùng, ngõ hầu voi bớt nỗi nhớ thương cùng cực và bày tỏ lòng hiếu thảo khôn nguôi”. Đồng thời, trong văn bia này cũng ca ngợi vua Gia Long là người con hiếu thảo, tự lấy mình làm tấm gương để giáo hóa trăm họ: “長壽承歡因親教愛坤元起化由家及國/Cung Trường Thọ thuận chiều ý mẹ, lấy tình thân để giáo hóa lòng yêu thương. Chón Khôn Nguyên mở đầu việc giáo hóa, từ nhà đến nước” (*Ngự chế thánh đức thần công bi ký* [6]/御製聖德神功碑)

Văn bia ở lăng Minh Mạng ghi lòng tôn kính của vua Thiệu Trị và ca ngợi lòng hiếu thảo của vua Minh Mạng: “天性至孝歡奉慈寧出則前導安入則跪進甘旨養以天下備極情文崇上徽稱優隆禮數聖壽六旬七旬大慶節舉行盛典合中外億兆之歡心以供孝奉天家樂事自古罕聞一孝之推本於親親而達乎普率帝/bẩm tính rất hiếu thảo, vui thờ đức Từ Ninh, khi xuất xử thì người dẫn đầu được an ổn, khi vào cung thì quỳ dâng thức ngon ngọt, phụng dưỡng thì đem hết lòng một cách đẹp đẽ trong thiên hạ để sùng kính tôn xưng của bậc cha mẹ, trên cả lễ nghi. Lúc cử hành lễ mừng thọ lục tuần, thất tuần cho cha mẹ thì hợp với lòng hân hoan của ức triệu người trong ngoài kinh; vì lòng hiếu kính cha mẹ và phụng thờ trời đất là việc việc vui trong hoàng gia xưa nay hiếm có. Một khi chọn ra người hiếu thảo thì gốc phải từ đạo thân với người thân thì mới đạt được sự hiếu thảo vậy” (*Ngự chế thánh đức thần công bi ký* [6]/御製聖德神功碑記)

Hay trong văn bia ở lăng vua Khải Định: “仰惟聖德神功與天地並藐茲小子曷足以規天極景燉輪惟荷付托之重念繼序之間敬用宣揚其懿鑠之貞孜於以垂示無窮以少伸紹述之孝思于萬一云耳/Kính ngưỡng thánh đức Thần công sánh với trời đất, nay tiểu tử (vua Khải Định) nào đủ sức để gánh vác sự phó thác nặng nề của cơ trời xoay chuyển, nghĩ đến việc tiếp nối mà kính tuyên dương công đức tốt đẹp sáng tỏ đó, khắc vào bia đá để lại mãi cho đời sau mà bày tỏ chút lòng hiếu thảo sâu nặng trong muôn một.” (*Ứng Lăng thánh đức thần công bi* [11]/應陵聖德神功碑)

Việc lấy lòng hiếu nghĩa để trị nước còn biểu hiện qua việc các vua nhà Nguyễn xây dựng truyền thống đối xử với những gương sáng trong dân chúng về lòng hiếu thảo, làm việc thiện, như trong văn bia ở lăng vua Minh Mạng ghi: “旌孝順表節義禮高年舉力田/Nêu những người hiếu thuận, khen những kẻ tiết nghĩa, kính lễ những người tuổi cao, biểu dương

những người chăm làm ruộng” (*Ngự chế thánh đức thần công bi kí* [6]/ 御製聖德神功碑記) hay trong ở lăng vua Thiệu Trị: “洋夷不許通商杜戎心而尊國勢/ Người hiền lương trung nghĩa cho dựng từ đường mà biểu dương khí tiết” (*Xương Lăng thánh đức thần công bi* [7]/ 昌陵聖德神功碑).

Qua đó cho thấy, lễ Nhân, Hiếu, Lễ... là điều mà các vị vua luôn muốn mở rộng trong dân chúng. Dạy bảo muôn dân bằng hiếu lễ đã trở thành nét đẹp quý báu trong văn hóa trị nước của triều Nguyễn.

2.3. Văn bia hoàng tộc phản ánh vai trò của Phật giáo trong đời sống xã hội

Nếu xét văn bia hoàng tộc mà có liên hệ trực tiếp tới Phật giáo thì đến nay chỉ còn lại các văn bia ngự chế của chúa Nguyễn Phúc Chu và vua Thiệu Trị. Đây là các vị vua chúa có lòng thành kính với đạo Phật tuy vẫn dựa vào Nho học để quản lý đất nước. Đạo Nho và đạo Phật (cùng với đạo Lão) vốn cùng nhau có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần, tư tưởng của dân tộc ta. Đạo Nho là đạo trị nước, đạo Phật lại là đạo của thu phục nhân tâm. Chính vì vậy, về phương diện chính trị phải xác định được vai trò của đạo Phật trong việc xác lập hệ tư tưởng chính thống Đàng Trong.

Trước hết, nhà Nguyễn xiển dương đạo Phật như một sách lược thu phục nhân tâm. Đầu thế kỷ XVII, hoàn cảnh lịch sử, tình thế chính trị phức tạp, nhân dân cực khổ, thân phận tha hương làm cho sự yên ổn trong xã hội Đàng Trong không còn bền vững đã buộc các chúa Nguyễn phải tìm biện pháp thu phục nhân tâm, nhằm quản lý, cai trị được đất nước. Đối với nhu cầu này, khả năng đáp ứng của Phật giáo vượt trội hơn hẳn so với Nho giáo. Chính vì vậy, các chúa Nguyễn, bước đầu đã có nhiều hình thức nhằm xiển dương đạo Phật, đưa đạo Phật đi vào đời sống tinh thần của xã hội. Ngay từ đầu, Phật giáo đã nằm trong loạt các hoạt động của chúa Nguyễn Hoàng khi vào cát cứ ở Đàng Trong. Về sau, hầu hết các chúa Nguyễn đều là những Phật tử mộ đạo, chăm lo phát triển Phật Giáo ở Đàng Trong như là chỗ dựa tinh thần trong sự nghiệp Nam tiến và lập quốc.

Văn bia *Đại Việt quốc vương sắc tứ Hà Trung tự Hoán Bích thiền sư tháp ký minh* [2]/ 大越國王敕賜河中寺煥碧禪師塔記銘 do Ninh Vương – Nguyễn Phúc Chú soạn ghi rằng: 越觀自開國以來立寺建庵延僧供佛廣行方便圖使幾內天下盛起全自頓拋憑念庶幾生順死安漸近化城境界/Suốt từ lúc mở nước đến nay, việc lập chùa, dựng am, thỉnh tăng cúng Phật, mở rộng phương tiện hành hóa, khiến cho dân chúng xú kinh đô trở nên phồn thịnh, ai nấy đều dốc lòng dung dưỡng đạo lý bằng chánh niệm; thứ đến là sinh thuận tử an, gần gũi với cảnh giới Hóa thành”, 余亦欲萬世人仰慕善道證如來無上之果共享太平之福無窮/ Ta cũng muốn muôn đời về sau mọi người ai cũng ngưỡng mộ đức tánh thiện tâm của đạo từ bi, ngõ hầu chứng quả vị Như Lai vô thượng Bồ đề cùng chung hưởng phước thái bình vô biên”

Đời sống tinh thần của hoàng tộc cũng bị ảnh hưởng của đạo Phật. Người trong hoàng tộc quy y thọ giới rất nhiều. Các chúa Nguyễn về sau đều có pháp danh đạo hiệu, quý trọng các

cao tăng, lo việc dựng chùa, đúc tượng, ban pháp khí nhằm làm c, cầu mong sự gia trì của Phật tổ cho sự nghiệp của mình, như lời Nguyễn Phúc Chú trong văn bia chùa Quốc Ân: 余恭膺天命臨于兆姓雞鳴而起孜孜不忘為善之道也越觀自開國以來立寺建庵延僧供佛廣行方便圖使畿內天下盛起全自頓拋憑念庶幾生順死安/ *Ta vâng mệnh trời chăm coi trăm họ, gà gáy đã vội dậy, chăm chăm không dám quên đạo làm điều thiện. Cứ xem nước Việt ta từ khi mở nước đến nay, việc lập chùa dựng am, thỉnh sư thờ Phật, rộng truyền phương tiện, khiến cho dân chúng kinh kỳ ngày càng phồn thịnh, từ đó cũng chăm chỉ tu tập, cầu được sinh thuận tử an.”*

Nhà Nguyễn đã thành công trong việc thông qua đạo Phật để thiết lập một nền tảng tâm lý, đạo đức, tư tưởng ổn định, an hòa cho việc xây dựng Đàng Trong thành một quốc gia thái hòa, thịnh trị.

Nhưng, lịch sử đã sàng lọc Nho giáo vào vai trò của một học thuyết chính trị, xã hội; quản lý đất nước không thể không dựa trên Nho giáo. Theo đó, Phật giáo chỉ bước đầu được quảng bá mở rộng để bình ổn xã hội, thu phục nhân tâm, còn Nho giáo mới là con đường lâu dài. Nho giáo – một học thuyết hướng đến tổ chức một trật tự xã hội, dựa trên thuyết chính danh, phù hợp với lợi ích của giai cấp phong kiến, góp phần thúc đẩy sự ổn định và phát triển của quốc gia phong kiến nữa. Chính vì thế, các chúa Nguyễn trong sự nghiệp gầy dựng cơ đồ đã không thể không vận dụng Nho giáo một cách khéo léo và triệt để nhằm đạt đến mục đích cuối cùng của mình.

Từ đó, trên bình diện tư tưởng – chính trị, quan niệm *cur Nho mộ Thích* được đưa thành phổ biến trong xã hội Đàng Trong. Văn bia chùa thể hiện rất rõ quan niệm này.

Khi Gia Long Nguyễn Ánh tái thiết cơ đồ, mở ra vương triều Nguyễn, nhà Nguyễn phải đưa Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chính thống của xã hội, vượt hẳn ảnh hưởng của đạo Phật. Nhưng, lúc này, đạo Phật- bằng nội lực của một giáo thuyết uyên áo đã vượt qua ranh giới hạn hẹp của một ý đồ chính trị, đã như một mạch chảy tự nhiên đi sâu vào đời sống tinh thần, thành nét văn hóa đặc trưng của con người vùng Nam Hà. Vì vậy, mặc dù Nho đã được xác lập như hệ tư tưởng chính thống của tầng lớp cầm quyền, thì nhà Nguyễn vẫn tiếp tục xiển dương đạo Phật. Cần phải có biện pháp khéo léo, uyển chuyển để phát triển Nho giáo bền vững trong cộng đồng. Theo đó, nhà Nguyễn tiếp tục chủ trương giữ tâm thế “*cur Nho mộ Thích*” để đưa Nho giáo vào sâu trong cộng đồng nhân dân, thông qua các hoạt động liên quan đến đạo Phật. Về sau, khi đạo Phật đã có vị trí quan trọng trong tín ngưỡng dân gian, và trở thành một bộ phận quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của xã hội, có số lượng tín đồ và hàng ngũ tăng đồ đông đảo thì nhà Nguyễn muốn xác lập địa vị của Nho giáo một cách triệt để hơn nữa nhằm giữ vững được vương quyền. Từ đây, thái độ của các vua Nguyễn với Phật giáo đã có phần khác với các chúa Nguyễn trước đó. Vì không thể sử dụng biện pháp hà khắc để kềm chế sự phát triển của đạo Phật, nhà Nguyễn phải chấp nhận để Phật giáo phát triển trong sự kiểm soát và định hướng của triều đình. Lúc này, tư tưởng *cur Nho mộ Thích* đã dần chuyển thành *dĩ Phật tải Nho, khu*

Thích dĩ nhập Nho, lấy Nho để giải thích Phật, dùng Phật để chuyển tải tư tưởng của Nho, nếu Nho giáo là nội dung thì Phật giáo chính là hình thức biểu hiện.

Các vua Nguyễn gọi các tiên đế, thái hậu của mình là Thánh, và Thánh ngang với Phật, nên việc dựng chùa là để vừa thờ Phật vừa thờ Thánh, chùa là nơi để cầu quốc thái dân an, cầu cho vương triều bền vững mà lòng vẫn không rời kỷ cương của Nho giáo. Câu đối của Minh Mạng trước chùa Thánh Duyên đã cho thấy rõ điều đó: *Thánh tức thị Phật, Phật tức thị Thánh*. Trong văn bia của Thiệu Trị ở chùa này cũng có câu:

聖緣普濟咸歸善

佛蹟增光自有入

Duyên thánh nhân lan rộng dẫn dắt về nẻo thiện,

Dấu Phật tổ ngày càng sáng là từ lòng người.

Trong văn bia chùa Diệu Đế, Thiệu Trị viết:

有請應當誌慶崇徽永留勝蹟因念大學之道誠正格致修齊治平在止於至善雖象教虛無亦勸人為善則妨于王者哉。

(Có lời thỉnh cầu ghi dấu điều tốt đẹp để giữ lại nơi thắng tích. Nhân vậy mà nhớ lại đạo của sách Đại học là thành ý, chính tâm, cách vật, trí tri, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ và dừng lại ở chỗ chí thiện, tuy đạo Phật vốn chủ trương hư vô nhưng đều khuyên người làm điều thiện, vậy thì có gì làm hại đến vương đạo đâu!)

Vua Thiệu Trị đã dẫn nhiều sách kinh điển của Nho giáo để chứng minh quan điểm *cư Nho* của mình. Trong văn bia *Ngự chế Thiên Mục tự Phước Duyên bảo tháp bi* [10]/御製天姥寺福緣寶塔碑, vua Thiệu Trị nêu suy nghĩ: “朕聞儒有聞善以相告也見善以相示也能用善人民之主也/“Trẫm nghe đạo Nho dạy: Nghe điều thiện báo nhau biết, thấy điều thiện rủ nhau làm, dùng người thiện là chủ của dân”; “故出言善則千里之外應之德無常師住善為師去煩宥善莫不兢勸民之秉怡好是懿德章善殫惡以示民后民日遷善而不知為之者是以天下皆知美之為美斯惡已皆知善之為善斯不善已大學八條亦在止於至善/Nói lên điều thiện, dù muôn dặm xa cách, người ta vẫn ứng theo. Đức vốn không có thầy chỉ dạy, cốt lấy thiện làm thầy. Bỏ những phiền phức, để tăng thêm điều thiện thì không gì bằng khuyến dạy cho dân chăm gìn giữ riêng mỗi luân thường, yêu lẽ phải, quý đức tốt, khen điều lành, ghét việc dữ. Ấy là: “Thiên hạ biết đẹp và ưa cái đẹp thì cái xấu mất đi. Thiện hạ biết thiện và quý mến cái thiện vì chán ghét điều bất thiện”. Tám điều cốt lõi của sách Đại học cũng dừng nơi chí thiện”.

Và:

“夫慈悲之立教以善為本善念在心心即佛也論語曰擇其善者而從之易言君子逼惡揚善順天休命書云作善降之百祥諒無傷於國經庶少補於王化者也/Ôi, việc lập đạo từ bi vốn lấy thiện làm gốc. Khắc ghi điều thiện trong tâm, mà tâm tức là Phật. Sách Luận ngữ viết: Hãy chọn điều thiện mà làm theo; Kinh Dịch lại viết: Người quân

tử phải ngăn trừ điều ác, nêu cao điều thiện, thuận ý trời, vui với mệnh. Kinh Thư nói: Người làm điều thiện thì trời ban cho trăm điều lành. Xem thế đủ biết đạo Phật không những không phương hại đến quốc gia mà còn ít nhiều bổ sung cho việc vương hoá vậy”

Như vậy, có thể thấy rõ, triều đình nhà Nguyễn muốn đồng hoá điều Thiện của Phật học vào đạo Nhân của Nho học. Về bản chất, họ cho rằng đạo Nho đã bao hàm đạo Phật, đạo Phật thì chuyển tải đạo Nho và tinh thần chủ đạo của nhà Nguyễn giai đoạn này là cuốn Phật theo Nho.

3. KẾT LUẬN

Từ hệ thống văn bia hoàng tộc, chúng ta có thể nhận thấy vai trò và vị trí của Nho giáo và Phật giáo trong nhân quan và sách lược của triều đình nhà Nguyễn. Các vua nhà Nguyễn đã thực hành triệt để đường lối Nho giáo như là lý tưởng, đường lối trị nước. Tuy nhiên, khi lịch sử đã chuyển biến sang thời kỳ hiện đại, các quá trình xã hội trở nên phức tạp hơn rất nhiều thì Nho giáo không còn đủ sức đảm đương vai trò của một hệ tư tưởng độc tôn. Ở vào một thế kỷ bản lề của lịch sử, nhà Nguyễn vẫn bám víu vào Nho giáo để bảo vệ chế độ quân chủ trung ương tập quyền, là nguyên nhân căn bản dẫn đến thất bại và sụp đổ của vương triều Nguyễn. Mặt khác, từ phương diện nghệ thuật quản lý, tư duy quản lý mềm mỏng khéo léo của nhà Nguyễn đã phát huy được vai trò của Phật giáo trong quá trình xác lập Nho giáo như hệ tư tưởng chính thống. Từ góc độ văn hóa, mặc dù chuẩn tắc đạo đức xã hội vẫn dựa trên Nho giáo, thì Phật giáo đã trở thành một sinh hoạt tinh thần đặc sắc của xã hội, trong đó có cả giới hoàng tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. *Quốc chủ Nguyễn Phúc Chu Tự Động Thượng chính tông tam thập thế danh Hưng Long hiệu Thiên Túng đạo nhân đình kiến thuận hóa thiên mục tự bi kí minh/ 主阮福朱字洞上正宗三十世名興龍號天縱道人鼎建順化天姥寺碑記銘*, N⁰2585/ 5683, niên đại Vĩnh Thịnh thứ 11(1715), dựng tại chùa Quốc Ân
- [2]. *大越國王敕賜河中寺煥碧禪師塔記銘 Đại Việt quốc vương sắc tứ Hà Trung tự Hoán Bích thiền sư tháp ký minh* N⁰13437, niên đại Bảo Thái thứ 10(1729) dựng tại chùa Quốc Ân.
- [3]. *Ngự chế thánh đức thần công bi ký/御製聖德神功碑*, N⁰ 18299, niên đại Minh Mệnh thứ 01(1820), dựng tại lăng Gia Long
- [4]. *Ngự chế khiêm cung ký/御製謙宮記*, N⁰18303/18304, niên đại Tự Đức thứ 24 (1871)
- [5]. *Ngự chế thánh đức thần công bi kí/御製聖德神功碑記*, N⁰18301, niên đại Thiệu Trị thứ 01(1841) dựng ở lăng Minh Mạng.
- [6]. *Ngự chế Thánh Duyên tự chiêm lễ bát vận/御制聖緣寺瞻禮八韻*, N⁰, niên đại Minh Mệnh 18(1837), dựng tại núi Thúc Vân.
- [7]. *Xương Lăng thánh đức thần công bi /昌陵聖德神功* N⁰18302, niên đại Tự Đức 01(1841) dựng ở lăng Thiệu Trị.
- [8]. *Đệ thập nhất cảnh Hương giang hiếu phiếm /第十一境香江曉泛*, N⁰ 5673, niên đại Thiệu Trị 03(1843), dựng tại Phú Văn Lâu.
- [9]. *Ngự chế thi đề Diệu Đế tự (hữu tự văn)/御制詩題妙諦有字文*, N⁰ 5675/5676, niên đại Thiệu Trị 09(1846), dựng tại chùa Diệu Đế.
- [10]. *Ngự chế Thiên Mục tự Phước Duyên bảo tháp bi*, N⁰ 155/ 2587/ 5681, niên đại Thiệu Trị 06 (1846), dựng tại chùa Thiên Mục
- [11]. *Ứng Lăng thánh đức thần công bi /應陵聖德神功碑*, N⁰18307, niên đại Bảo Đại 01(1926), dựng tại lăng Khải Định.

THE ROLE OF CONFUCIANISMAND BUDDHISM UNDER THE NGUYEN DYNASTY THROUGH THE SYSTEM OF ROYAL EPITAPHS IN THUA THIEN-HUE

Doan Trung Huu

Vietnam Academy of Social Sciences

Email: haitue@gmail.com

ABSTRACT

The Nguyen dynasty's royal epitaphs have been still stored in tombs, temples, palaces in Thua Thien-Hue, which are extremely valuable Hannom material resources to study the national history. The complex viewpoints on many fields such as politics, culture, society, religion and belief have been abundantly shown here, in which the vision and strategies of The Nguyen dynasty on prevailing religions in this dynasty are especially mentioned. While epitaphs in tombs indicate that the court used Confucianism as the standard system of thought to solve, evaluate, consider the political affairs, Buddhism was commended as a strategy to win man's hearts.

Keywords: *Buddhism, Confucianism, Epitaph, Hannom.*